1. Thì quá khứ đơn (Past Simple)

Công thức:
- Khẳng định: S + V2/ed
- Phủ định: S + did not + V1
- Nghi vấn: Did + S + V1?

Sử dụng:
- Diễn tả sự việc đã xảy ra và kết thúc trong quá khứ.
- Dấu hiệu nhận biết: last year, yesterday, in 2000, ago…

Lưu ý:
- Động từ thường thêm -ed, động từ bất quy tắc theo V2.

2. Thì quá khứ hoàn thành (Past Perfect)

Công thức: S + had + V3/ed

Sử dụng:
- Diễn tả hành động xảy ra trước một hành động khác trong quá khứ.
- Dấu hiệu: before, by the time, already, after

3. Thì hiện tại hoàn thành (Present Perfect)

Công thức: S + has/have + V3/ed

Sử dụng:
- Hành động đã xảy ra nhưng còn liên quan đến hiện tại.
- Dấu hiệu: never, since, for, already, just, recently, before, first time…

Công thức nâng cao:
- S + has/have + been + V-ing ⊠ hành động kéo dài đến hiện tại
- Ví dụ: S + has/have + V3/ed + never + before

4. Thì tương lai đơn (Simple Future)

Công thức: S + will + V1

Sử dụng:
- Diễn tả dự đoán hoặc quyết định tại thời điểm nói.

5. "While" (Trong khi)

Công thức: While + S + V-ing, S + V2/ed

Sử dụng:
- Diễn tả hành động đang xảy ra trong khi một hành động khác xảy ra.
- Thường kết hợp quá khứ đơn và quá khứ tiếp diễn.

LIVEWORKSHEETS

7. “Used to”

Công thức: S + used to + V1

Sử dụng:
- Diễn tả thói quen hoặc trạng thái trong quá khứ mà hiện tại không còn nữa.

8. Tính từ -ing / -ed

- Tính từ + -ing: mô tả đặc tính, tính chất của sự vật, hiện tượng.
- Tính từ + -ed: mô tả cảm xúc, trạng thái của con người.

9. Chuyển từ thì hiện tại hoàn thành sang quá khứ đơn

- Khi hành động đã kết thúc trong quá khứ dùng V2/ed / V3/ed + thời gian cụ thể.
- Ví dụ: "I have finished my homework" "I finished my homework yesterday."

6. Mạo từ “the”

Sử dụng:
- Dùng khi đối tượng danh từ được nhắc đến và cả người nói lẫn người nghe đều biết.

LIVEWORKSHEETS

5. John _____ with the kids. That's why he looks exhausted.
A. played
B. has played
C. has been playing
D. had played

6. John left the lecture early because he _____ a headache.
A. had
B. used to have
C. was having
D. had had

7. Helen is _____ with working on night shifts. She can easily stay up all night.
A. used
B. familiar
C. accustomed
D. aware

8. While we _____ dinner, Jack came. We asked him to join us.
A. had had
B. were having
C. had
D. have been having

9. Most parents _____ technology for their children's distraction from schoolwork.
A. scold
B. disapprove
C. blame
D. oppose

10. Her _____ tone means she suspected us of stealing her money.
A. miserable
B. arrogant
C. accusing
D. confident

LIVEWORKSHEETS

11. Social teenagers can easily _____ on with their teachers and classmates.
A. fit
B. make
C. live
D. get

12. Most teenagers prefer being on their own to being in the _____ of their parents.
A. attendance
B. appearance
C. company
D. surveillance

13. It's an _____ competition. The children are so _____.
A. excited – excited
B. exciting – exciting
C. excited – exciting
D. exciting – excited

14. Jack _____ taken to the zoo every month when he was a kid.
A. was used to
B. used to
C. used to being
D. used to be

15. Is this _____ book that you're looking for?
A. a
B. the
C. an
D. x

20. He (live) _____ in New York, but he (move) _____ to Los Angeles last year because of his new job.
21. Can you guess the winner? – I'm not sure, but I think the Red team (become) _____ the winner. Their teamwork is really good.
22. She's not used to (have) _____ meals without watching something on You-Tube.

LIVEWORKSHEETS

Leisure activities (26)_____ an important part in a teenager's development. They arouse his or her interests, urging him or her to explore a new world of knowledge. (27)_____ leisure activities, teenagers join in a community of people with the same likes. The network (28)_____ to close friendships which help teenagers through thick and thin.
(29)_____, leisure activities make an excellent heaven (30)_____ teenagers get away from the stress for a while or let off their steam or anger in a positive way.

26. A. do B. play C. have D. serve
27. A. By B. In C. On D. Through
28. A. forms B. refers C. causes D. leads
29. A. However B. Thus C. Besides D. Otherwise
30. A. which B. that C. whose D. where

36. John started his game of tennis 4 hours ago and he's still playing.
John has _____.

37. It is the first time I have ever looked up to a scientist so much.
I have never _____.

38. I walked to school when I was a child, but now I go to school by bike.
I used _____.

39. I haven't gone to the cinema for about 2 months.
The last _____.

40. I haven't seen such a monumental statue before.
This is the first time _____.

LIVEWORKSHEETS